



Review Article

# Water Pollution Control Policies and Laws in China and Suggestions for Vietnam

Ho Anh Tuan\*

*Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 12 February 2022

Revised 15 March 2022; Accepted 20 March 2022

**Abstract:** Water is an indispensable part of our environment. China is facing a serious water pollution situation. In order to reduce water pollution, China has implemented a wide range of policies to reduce and control water pollution. Vietnam is a country with remarkable similarities with China in terms of political institutions as well as economic development. Notably, two major river systems of Vietnam, the Red River and the Mekong River both originate from China and directly affect the water environment in Vietnam. Thus, the evaluation of China's water pollution control policies will provide helpful experiences and lessons to improve Vietnam's policies and law on water pollution control.

*Keywords:* Policy, law, pollution control, water environment, Vietnam.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [tuanout90@gmail.com](mailto:tuanout90@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4449>

# Một số vấn đề về chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam

Hồ Anh Tuấn\*

*Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 2 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 3 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2022

**Tóm tắt:** Nước là thành tố cơ bản của môi trường sống. Trung Quốc hiện đang đối mặt với tình hình ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng. Nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, Trung Quốc đã áp dụng nhiều chính sách để giảm thiểu, kiểm soát ô nhiễm môi trường nước. Việt Nam là quốc gia có nhiều điểm tương đồng về thể chế chính trị cũng như quan điểm phát triển kinh tế, lại có đặc thù hai hệ thống sông lớn của Việt Nam là sông Hồng và sông Mekong (chảy qua nhiều quốc gia, khi đến lãnh thổ Việt Nam mang tên là hệ thống sông Cửu Long) đều bắt nguồn từ Trung Quốc, chịu ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường nước. Vì vậy, việc đánh giá một số chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc sẽ có giá trị tham khảo và gợi mở cho Việt Nam nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Việt Nam.

*Từ khóa:* Chính sách, pháp luật, kiểm soát ô nhiễm, ô nhiễm nước, Việt Nam.

## 1. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, là nơi cư trú của hơn 1,4 tỷ người [1]. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện chỉ chiếm hơn 6% tổng tài nguyên nước ngọt toàn cầu, vì vậy mỗi quan tâm đối với việc đảm bảo nguồn nước sạch luôn thường trực. Trong khi đó, cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra mạnh mẽ, làm bùng nổ số lượng các khu công nghiệp càng làm tình trạng khan hiếm nước sạch trở nên nghiêm trọng. Chính quyền Trung Quốc đã rất nỗ lực để hạn chế lãng phí nước sử dụng, giảm thiểu ô nhiễm nước và áp dụng nhiều biện pháp phòng ngừa để hạn chế các tác động tiêu cực đến nguồn nước sạch. Theo Báo cáo thực trạng Sinh thái và Môi trường Trung Quốc năm 2020, mặc dù chất lượng môi trường nước đã có

hiều cải thiện, tình hình ô nhiễm môi trường nước vẫn diễn biến phức tạp, 86,4% nước ngầm bị ô nhiễm đến mức phân loại là cấp IV-V (không phù hợp để con người sử dụng), chất lượng nước mặt được cải thiện nhưng vẫn có tới 16% nước mặt xếp loại IV-V [2]. Con số này rất đáng lo ngại do 70% dân số Trung Quốc, cộng thêm 60% các thành phố phụ thuộc vào nguồn nước ngầm để cấp nước sinh hoạt [2].

Tình trạng trên cho thấy Trung Quốc không chỉ phụ thuộc vào nguồn nước sạch hạn chế, mà các ngành công nghiệp đã ít chú trọng hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường nước, không áp dụng các biện pháp phòng ngừa cần thiết để bảo vệ môi trường nước. Để ngăn chặn tình trạng môi trường nước xấu đi, Trung Quốc bắt đầu sửa đổi, điều chỉnh các văn bản pháp luật lớn liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường nước (KSONMTN): sửa đổi bổ sung Luật Bảo

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* tuanout90@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4449>

vệ Môi trường (có hiệu lực từ tháng 1/2015), sửa đổi bổ sung Luật Kiểm soát và Phòng ngừa ô nhiễm nước (có hiệu lực tháng 1/2018), ban hành Luật Thuế Bảo vệ môi trường (ban hành 2016, có hiệu lực từ tháng 1/2018). Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đi sâu phân tích, đánh giá một số chính sách, pháp luật về KSONMTN ở Trung Quốc để từ đó kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật KSONMTN ở Việt Nam.

## 2. Một số chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc

### 2.1. Khuyến khích sử dụng nước thải đã qua xử lý

Hoạt động sử dụng nước thải đã qua xử lý đã được Chính phủ Trung Quốc thúc đẩy thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau ở cấp trung ương và địa phương. Luật Tài nguyên nước Trung Quốc năm 1988, sửa đổi bổ sung năm 2002 quy định chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng phát triển hệ thống xử lý nước thải tích hợp, khuyến khích sử dụng nước thải tái chế và nâng cao tỉ lệ sử dụng nước thải tái chế [3]. Để triển khai, trong giai đoạn 2002-2005, Chính phủ ban hành 06 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái sử dụng nước thải, bao gồm định mức kỹ thuật cho nước thải tái sử dụng dùng cho công nghiệp, đô thị, môi trường và tưới tiêu [4]. Năm 2012, Chính phủ tiếp tục ban hành Kế hoạch Cơ sở xử lý nước thải tập trung cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đặt mục tiêu tái sử dụng tối thiểu 15% lượng nước thải vào năm 2015 [4].

Ở Thủ đô Bắc Kinh, trước tình hình tiêu thụ nước ngày càng tăng, chính quyền thành phố đã ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển đô thị giai đoạn 2004-2020, theo đó đặt mục tiêu khối lượng nước thải xử lý được tái sử dụng là  $8 \times 10^8 \text{ m}^3$  vào năm 2020 [5]. Để đạt được mục tiêu này, nước thải tái sử dụng sẽ là nguồn nước chính phục vụ vệ sinh đô thị, sinh hoạt hộ gia đình (không dùng để uống), thủy sinh, tưới tiêu nông nghiệp và ứng dụng làm mát công nghiệp. Để triển khai, Chính quyền thành phố tiếp tục ban hành Chỉ thị về quản lý và thu hồi nước thải (DRWMD) vào năm 2009 [6]. Các nội dung chính bao gồm: (1) Giá nước thải tái sử dụng

được cố định ở mức 01 Nhân dân tệ/ $\text{m}^3$  để khuyến khích sử dụng (2) Nước thải tái chế được tích hợp vào hệ thống quản lý và phân phối tài nguyên nước của thành phố, cùng với nước mặt và nước ngầm; (3) Nước thải tái chế chủ yếu được sử dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và cảnh quan môi trường; (4) Việc cung cấp nước thải tái sử dụng đạt chuẩn phải được thực hiện thông qua hợp đồng giữa đơn vị cung cấp và người sử dụng; và (5) Việc xây dựng đường ống dẫn nước thải tái sử dụng và chất lượng nước phải tuân thủ các quy định an toàn liên quan.

Tại thành phố Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, chính quyền địa phương đã khuyến khích các doanh nghiệp dệt may áp dụng các phương thức kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là liên quan đến xử lý ô nhiễm nước và tái sử dụng nước. Năm 2015, chính quyền địa phương đã đầu tư khoản trợ cấp 35 triệu Nhân dân tệ cho khuyến khích tái sử dụng nước thải. Nếu một nhà máy được trang bị hệ thống tái sử dụng nước thải, nhà máy đó đủ điều kiện để được trợ cấp 260 Nhân dân tệ/ tấn nước thải tái sử dụng [7]. Chương trình trợ cấp đã khuyến khích tái sử dụng nước thải và triển khai hệ thống quan trắc nước thải tự động. Những nỗ lực này đã góp phần giảm tổng lượng nước thải đầu ra từ 0,9 triệu tấn xuống còn 0,54 triệu tấn [8]. Các doanh nghiệp in và nhuộm trong vùng đã đầu tư tổng cộng 1,3 tỷ Nhân dân tệ cho hoạt động xử lý nước thải, và 210 doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### 2.2. Thuế môi trường

Luật Thuế Bảo vệ môi trường Trung Quốc được ban hành năm 2016, chính thức có hiệu lực từ tháng 1/2018. Theo đó, thuế bảo vệ môi trường được liên kết với giấy phép xả thải và thay thế cho phí xả thải. Doanh nghiệp sẽ trả tiền thuế dựa theo báo cáo tình hình xả thải theo quy định của giấy phép xả thải. Thuế bảo vệ môi trường là thuế trực thu, đánh thuế trực tiếp trên đơn vị chất gây ô nhiễm xả vào môi trường, bao gồm 4 dạng ô nhiễm: chất gây ô nhiễm không khí, chất gây ô nhiễm nước, chất thải rắn và ô

nhễm tiếng ồn [9]. Luật Thuế Bảo vệ môi trường quy định rằng mức đánh thuế môi trường đối với nước thải là 1,4 Nhân dân tệ đến 14 Nhân dân tệ cho mỗi đơn vị chất ô nhiễm nước, mức thuế cụ thể sẽ do chính quyền địa phương lựa chọn, căn cứ vào vị trí địa lý và mức độ khan hiếm nước của từng địa phương [8]. Một điểm đáng chú ý là Luật có quy định nếu tổ chức, cá nhân xả thải dưới 30% mức cho phép, mức thuế môi trường phải trả được giảm 25%, nếu dưới 50% mức cho phép thì được giảm tới 50% [10].

Thủ đô Bắc Kinh đánh thuế môi trường đối với xả thải vào môi trường nước ở mức cao nhất trong tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, với mức thuế là 14 Nhân dân tệ/một đơn vị ô nhiễm [11]. Mặt khác, các tỉnh phía Tây Trung Quốc là các địa phương kém phát triển, áp dụng mức thuế thấp nhất là 1,4 Nhân dân tệ cho mỗi đơn vị chất gây ô nhiễm. Trong dài hạn, cách tiếp cận này sẽ điều chỉnh cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng có lợi cho các ngành áp dụng công nghệ xanh, ít phát thải, nhưng trong ngắn hạn thì sẽ khiến các ngành công nghiệp gây ô nhiễm chuyển đến các địa phương còn kém phát triển, nơi thuế môi trường thấp nhất [12].

### 2.3. Giá nước lũy tiến theo từng bậc

Luật Tài nguyên nước Trung Quốc năm 1988, sửa đổi bổ sung năm 2002 đã quy định việc sử dụng nước cho các mục đích công nghiệp, sinh hoạt và thủy điện phải trả phí theo giá nước lũy tiến theo từng bậc, mục đích nhằm kiểm soát mức tiêu thụ nước [13]. Nước sử dụng trong nông nghiệp được miễn phí. Mức giá nước sử dụng trong công nghiệp cao hơn các hình thức khác, nước ngầm có giá cao hơn nước mặt. Nếu sử dụng nước trên một mức nhất định thì phải trả thêm tiền và càng sử dụng nhiều thì mức giá bổ sung càng tăng [13].

Năm 2015, Bộ Nhà ở và Kiến thiết thành thị, nông thôn Trung Quốc ban hành hướng dẫn về giá nước lũy tiến theo bậc cho nước sinh hoạt đô thị, bao gồm 3 mức: Cấp 1 (dành cho 80% người sử dụng nước) với giá cơ bản; Cấp 2 (dành cho 15% người sử dụng nước nhiều hơn) với giá nước cao hơn 1,5 lần mức cơ bản; và Cấp 3 (dành

cho 5% người sử dụng nước nhiều nhất) với giá nước cao hơn 3 lần mức cơ bản [14]. Ví dụ, ở thủ đô Bắc Kinh, hộ gia đình sử dụng hơn 260 m<sup>3</sup>/năm sẽ phải trả mức giá gấp 3 lần mức cơ bản. Đối với nước sử dụng trong công nghiệp, một số địa phương có áp dụng mức giá lũy tiến theo bậc nhưng chưa phổ biến trên toàn quốc.

Tuy nhiên, giá nước lũy tiến theo bậc cũng có những hạn chế nhất định. Thứ nhất, hiện chưa có các tiêu chuẩn quốc gia để điều chỉnh chính sách giá nước của địa phương. Thực tế cho thấy có sự khác biệt lớn giữa mức giá nước ở mỗi khu vực, nghĩa là một số tỉnh hầu như không có thu bổ sung từ giá nước trong khi một tỉnh thu tới 116 triệu Nhân dân tệ từ phí thu bổ sung mặc dù hai địa phương tiêu thụ lượng nước như nhau [15]. Thứ hai, giá nước lũy tiến theo bậc cho nước sử dụng trong công nghiệp chưa có hướng dẫn áp dụng trên toàn quốc mặc dù nước sử dụng trong công nghiệp chiếm tới 24% lượng nước sử dụng hàng năm [14], ngoài ra chưa có sự phân biệt cho các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm và các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng [15]. Nếu xây dựng được thang giá nước lũy tiến theo bậc dành riêng cho các ngành công nghiệp gây ô nhiễm nước nghiêm trọng như công nghiệp dệt, in ấn, hóa chất thì giá nước sẽ có tác động tích cực, khuyến khích các ngành công nghiệp tìm kiếm, phát triển công nghệ thân thiện với môi trường.

### 2.4. Khu công nghiệp tập trung

Khu công nghiệp tập trung (industrial park) bao gồm nhiều cơ sở sản xuất được bố trí để đáp ứng nhu cầu của một hoặc nhiều ngành công nghiệp, tập trung trong một địa điểm, bao gồm cả các khu dân cư. Cơ cấu tổ chức của khu công nghiệp tập trung thường bao gồm một cơ quan hành chính để đặt ra các quy định, quản lý các cơ sở sản xuất và lập kế hoạch chi tiết để vận hành khu công nghiệp [15]. Khái niệm khu công nghiệp tập trung này rộng hơn so với khu công nghiệp tại Việt Nam, có ranh giới phân biệt với vùng lãnh thổ khác và không có cư dân sinh sống [16].

Trung Quốc hiện chưa có luật quy định cụ thể về quy hoạch, quản lý khu công nghiệp tập trung, văn bản pháp luật cao nhất là Luật Quy hoạch nông thôn và đô thị Trung Quốc năm 2007. Tuy nhiên, nhiều văn bản hướng dẫn ở cấp độ địa phương đã được ban hành, ví dụ như *Quy chế công viên khoa học Trung Quang Thôn, Bắc Kinh* (2001) hay *Quy chế khu công nghiệp tập trung tỉnh Sơn Tây* (2019).

Mô hình KSONMTN trong khu công nghiệp tập trung thường bao gồm các nội dung sau: (1) xây dựng bộ tiêu chuẩn nước thải nội bộ và yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ; (2) Giám sát thường xuyên lưu lượng xả thải, đánh giá khả năng xử lý nước thải của các đơn vị chuyên trách và (3) bắt buộc áp dụng phương thức sản xuất sạch hơn (cleaner production) đối với các doanh nghiệp trọng điểm. [17]

Khu công nghiệp giúp quá trình cộng sinh công nghiệp (industrial symbiosis) vừa dễ thực hiện hơn vừa là một biện pháp hiệu quả để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn (circular economy). Các doanh nghiệp có thể liên kết với nhau bằng cách chia sẻ cơ sở hạ tầng, tái sử dụng các phụ phẩm và rác thải. Thông qua áp dụng tái chế và tái sử dụng trên quy mô lớn giúp doanh nghiệp không chỉ giảm phát thải và tiêu thụ năng lượng mà còn giảm chi phí sản xuất. Hơn nữa, các khu công nghiệp tạo ra nhiều không gian để thử nghiệm chính sách vì khối lượng dữ liệu lớn và thường xuyên từ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp [18]. Tuy nhiên, nếu tồn tại nhiều tổ hợp ngành công nghiệp khác nhau trong khu công nghiệp, việc thiết lập các tiêu chuẩn và quản lý ô nhiễm thống nhất có thể là một thách thức đối với công nghệ, nhân lực, quy trình quản lý, trình độ kỹ thuật và trình độ quản lý của cán bộ lãnh đạo.

*Nghiên cứu trường hợp: Khu công nghiệp Tân Hải, thành phố Thiệu Hưng*

Năm 2010, thành phố Thiệu Hưng thông qua Dự án tập hợp và nâng cấp ngành công nghiệp dệt may và thành lập Khu công nghiệp Tân Hải. Theo đó, 96 doanh nghiệp dệt may trong khu vực đã được chuyển đến khu công nghiệp, được nâng cấp cải tạo, sát nhập và đi vào hoạt động vào năm 2015. Từ năm 2017, có tổng cộng 40 doanh

ng nghiệp dệt may nằm trong Khu công nghiệp Tân Hải và 95 doanh nghiệp ở các khu vực lân cận, lượng nước thải xả vào môi trường là 143000 m<sup>3</sup>/ngày. Để xử lý nước thải, chính quyền địa phương đầu tư 326 tỷ Nhân dân tệ xây dựng nhà máy xử lý nước thải Jiangbin vào năm 2010, đồng thời xây dựng bộ tiêu chuẩn xả thải nội bộ của khu công nghiệp, có sự đồng ý của các doanh nghiệp. Để tuân thủ tiêu chuẩn xả thải nội bộ, các doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho quy trình tiền xử lý nước thải (pre-treatment) bằng cách tăng khối lượng hóa chất hóa chất xử lý ô nhiễm, nâng cấp hoặc mở rộng các cơ sở tiền xử lý. Việc vận hành và bảo trì hàng ngày của các cơ sở tiền xử lý cũng được đảm bảo bởi các nhân viên chuyên môn. Các nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường được sử dụng để giảm ô nhiễm tại nguồn, ví dụ: sử dụng chất kết dính không chứa crom đã làm giảm đáng kể ô nhiễm crom trong nước. Chất lượng và khối lượng chất phụ gia được giám sát chặt chẽ. Doanh nghiệp cũng áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường như sử dụng công nghệ in kỹ thuật số thay cho in màn hình quay truyền thống để giảm ô nhiễm nước. Nhờ việc xử lý nước thải tập trung, các điểm xả thải trực tiếp chỉ tập trung vào một nơi, dẫn đến kiểm tra, giám sát và quản lý hiệu quả, đồng thời cho phép thu gom nước thải sau xử lý để cung cấp lại cho khu công nghiệp và chuyển cho khu vực lân cận. [19]

### 3. Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước tại Việt Nam

Từ những bài học về chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau để hoàn thiện chính sách, pháp luật KSONMTN ở Việt Nam:

*Thứ nhất*, đối với việc tái sử dụng nước thải sau xử lý. Hệ thống văn bản về quản lý nước thải ở Việt Nam tương đối đầy đủ, có thể kể đến các văn bản lớn như: Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về quản lý thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày

24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08/6/2015 quy định các ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, trong đó bao gồm hoạt động tái sử dụng nước... Các văn bản đều xác định nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý và khuyến khích việc tái sử dụng nước thải sau xử lý, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường phù hợp với mục đích tái sử dụng; khuyến khích các hành vi sử dụng nước tiết kiệm, tái sử dụng nước thải, ví dụ miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đã xử lý đạt chuẩn (Điều 5, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc tái sử dụng nước thải sau xử lý chưa thật sự mạnh mẽ, theo Báo cáo Quản trị nguồn nước năm 2019 của Ngân hàng thế giới, tình trạng thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải đô thị của Việt Nam bị đánh giá là kém so với khu vực [20]. Việc thống kê, kiểm kê, quản lý hoạt động tái sử dụng nước thải gần như chưa được triển khai trong bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực, địa phương nào ở nước ta. Ở cấp vĩ mô, vấn đề tái sử dụng nước thải sau xử lý cũng chưa được chú trọng, quan tâm một cách thích đáng; trong các quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, cũng như quy hoạch về khai thác, sử dụng nước của các ngành kinh tế hầu như không đề cập đến vấn đề tái sử dụng nước thải sau xử lý. Ở cấp vi mô, vấn đề tái sử dụng nước thải đối với các dự án đầu tư chưa được nhìn nhận, xem xét ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế hoặc thẩm định dự án. [21]. Kinh nghiệm ở Trung Quốc cho thấy để khuyến khích nước thải tái sử dụng phải có quy hoạch rõ ràng, phân loại nước thải được sử dụng vào mục đích nào, phải xây dựng hạ tầng cung cấp nước thải đạt tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng đầu ra theo mục đích sử dụng và có chính sách trợ giá đầu ra nước thải. Vì vậy, tác giả đề xuất cần ban hành văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn nước thải tái sử dụng cho từng mục đích cụ thể, cơ chế giám sát và xử lý vi phạm nêu nước thải tái sử dụng không đạt yêu cầu. Ngoài ra, rất cần ban hành cơ chế khuyến khích sử dụng

nước thải tái sử dụng như hỗ trợ tài chính, cấp kinh phí, tiền hỗ trợ trên khối lượng nước thải tái sử dụng, hỗ trợ giảm giá thành xử lý nước thải, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước, xử lý nước thải được ưu đãi thuế hoặc cho vay.

*Thứ hai*, về thuế bảo vệ môi trường. Điểm đáng chú ý là thuế bảo vệ môi trường ở Trung Quốc là thuế trực thu, đánh thuế trực tiếp lên đơn vị chất thải xả vào môi trường (Điều 3, Luật Thuế Bảo vệ Môi trường Trung Quốc năm 2016), còn thuế bảo vệ môi trường ở Việt Nam là thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường (Điều 2, Luật Thuế Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 2010). Quy định ở Việt Nam gây chông chéo vì vừa đánh thuế môi trường lên hàng hóa, sản phẩm lại vừa thu phí bảo vệ môi trường đối với các hoạt động xả thải ra môi trường (Điều 136, Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2020). Ngoài ra, đã có quy định về phí là “*khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công*” (Điều 3, Luật Phí và Lệ phí năm 2015). Như vậy, cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền để cung cấp dịch vụ công liên quan đến xả thải vào môi trường nước? Vì vậy, căn cứ kinh nghiệm về thuế môi trường ở Trung Quốc, tác giả đề xuất quy định thuế bảo vệ môi trường Việt Nam cần có điều chỉnh, tách bạch rõ ràng giữa thuế và phí, có thể chuyển sang hình thức thuế trực thu tính trên đơn vị chất ô nhiễm xả vào môi trường như Trung Quốc và cần nhắc bỏ quy định phí bảo vệ môi trường. Ngoài ra, cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp giảm bớt mức xả thải ra môi trường nước bằng giảm thuế, tương tự như quy định trong Luật Thuế Bảo vệ môi trường Trung Quốc.

*Thứ ba*, về giá nước. Việt Nam đã ban hành Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt. Theo đó, Việt Nam áp dụng hệ thống giá nước lũy tiến theo bậc cho các nhóm khách hàng khác nhau (Điều 9), có quy định khung giá nước sạch cho các địa

phương khác nhau (Điều 3), tuy nhiên giống như Trung Quốc, hiện chưa có quy định về khung giá nước cho ngành công nghiệp ít ô nhiễm và ngành công nghiệp gây ô nhiễm nước nghiêm trọng (đệt, in ấn, sản xuất giấy, hóa chất,...). Ngoài ra, mặc dù Thông tư có quy định giá nước phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương (Điều 2), nhưng chưa nhấn mạnh sự khác biệt của địa phương bị khan hiếm nước nghiêm trọng (Ví dụ: Ninh Thuận, Bình Thuận). Tác giả đề xuất xây dựng quy định cụ thể về giá nước cho từng ngành công nghiệp để góp phần hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, đồng thời có quy định cụ thể hơn để các địa phương bị khan hiếm nước tự xây dựng khung giá nước phù hợp.

*Thứ tư*, về khu công nghiệp tập trung. Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về quản lý khu công nghiệp và kinh tế có quy định về xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung trong khu công nghiệp như điều kiện để bổ sung khu công nghiệp mới, khu công nghiệp mở rộng vào quy hoạch phát triển khu công nghiệp (Điều 5), tuy nhiên vẫn còn thiếu một khung pháp lý cho hoạt động quản lý, giám sát và xử lý nước thải tập trung. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp (Điều 86), nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn nước thải tiền xử lý trước khi đưa vào hệ thống xử lý tập trung. Từ kinh nghiệm quản lý, xử lý nước thải trong khu công nghiệp tập trung ở Trung Quốc, tác giả đề xuất bổ sung văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn nước thải tiền xử lý với các ngành công nghiệp, cho áp dụng thí điểm xây dựng bộ tiêu chuẩn xả thải nội bộ và bắt buộc áp dụng phương thức sản xuất sạch hơn (về nguyên liệu đầu vào, công nghệ,...) tại một số khu công nghiệp để đánh giá hiệu quả, làm căn cứ điều chỉnh, sửa đổi văn bản pháp luật liên quan.

## Kết luận

Từ kinh nghiệm chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước của Trung Quốc, Việt Nam cần chú trọng hoàn thiện, xây dựng khung pháp lý cho hoạt động KSONMTN, trong đó chú trọng đến các công cụ kinh tế như giá nước thải tái sử dụng, giá nước lũy tiến theo từng bậc, các công cụ tài chính như thuế bảo vệ môi trường, phí, lệ phí để giảm thiểu các hành vi gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường. Ngoài ra, cần chú trọng phát triển hệ thống xử lý nước thải tập trung tại đô thị và khu công nghiệp, đảm bảo các mục tiêu trong Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, phù hợp với các hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia (AFTA, CPTPP, COP 21, COP 26,...).

## Tài liệu tham khảo

- [1] [http://www.stats.gov.cn/tjsj/sjjd/202201/t20220118\\_1826538.html](http://www.stats.gov.cn/tjsj/sjjd/202201/t20220118_1826538.html) (tiếng Hán) (truy cập ngày 07/3/2022).
- [2] Bộ Bảo vệ Môi trường Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Báo cáo thực trạng Sinh thái và Môi trường năm 2020.
- [3] Zhu, Zhongfan; Dou, Jie (2018). Current status of reclaimed water in China: An overview. *Journal of Water Reuse and Desalination*. doi:10.2166/wrd.2018.070
- [4] International Water Association, China Reclaimed Water Reuse Regulations. [https://www.iwa-network.org/filemanager-uploads/WQ\\_Compndium/Cases/China%20Reclaimed.pdf](https://www.iwa-network.org/filemanager/uploads/WQ_Compndium/Cases/China%20Reclaimed.pdf) (truy cập ngày 15/3/2022).
- [5] D. Chang; Z. Ma, Wastewater reclamation and reuse in Beijing: Influence factors and policy implications, 2012, doi:10.1016/j.desal.2012.04.019
- [6] Pengcheng and Luqin, Improve Water Prices System and Water Price Management, 2014, *Macroeconomics*, 2014. [www.cnki.net/kcms/doi/10.16304/j.cnki.11-3952/f.2014.07.001.html](http://www.cnki.net/kcms/doi/10.16304/j.cnki.11-3952/f.2014.07.001.html) (tiếng Hán) (truy cập ngày 12/3/2022).
- [7] [http://www.ctanet.cn/Technic/Show\\_809212345.htm](http://www.ctanet.cn/Technic/Show_809212345.htm) 1 (truy cập ngày 12/3/2022).

- [8] [http://www.zjepb.gov.cn/art/2014/7/29/art\\_1201818\\_13513465.html](http://www.zjepb.gov.cn/art/2014/7/29/art_1201818_13513465.html) (truy cập ngày 12/3/2022).
- [9] Luật Thuế Bảo vệ môi trường Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2016.
- [10] <https://www.sjgrand.cn/chinas-environmental-protection-tax-law-to-reduce-pollution-levels/#:~:text=environmental%20protection%20fields,The%20Environmental%20Protection%20Tax%20Law,will%20impact%20China's%20tax%20system.> (truy cập ngày 10/3/2022).
- [11] <http://www.chinadaily.com.cn/a/201801/11/WS5a5699b7a3102e5b173740b4.html> (truy cập ngày 14/3/2022).
- [12] Y. Xu, 2012, Environmental Taxation in China: the Greening of an Emerging Economy, Handbook of Research on Environmental Taxation (pp.303-320), Publisher: Edward Elgar. DOI:10.4337/9781848449978.00027
- [13] Luật Tài nguyên nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1988, sửa đổi bổ sung năm 2002.
- [14] <https://www.piie.com/blogs/china-economic-watch/economics-h2o-water-price-reforms-china> (truy cập ngày 05/3/2022)
- [15] United Nation Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, 2019, Tackling Industrial Water Pollution: Lessons from China.
- [16] D. H. Nhung, 2017, Pháp luật về bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp ở Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [17] United Nations Industrial Development Organization and Chinese Academy of International Trade and Economic Cooperation, 2019, Experiences And Best Practices of Industrial Park Development in the People's Republic of China.
- [18] H. Thieriot and D. Sawyer, "Development of Eco-Efficient Industrial Parks in China: A review", International Institute for Sustainable Development, March 2015. <https://www.iisd.org/sites/default/files/publications/development-eco-efficient-industrial-parks-china-review-en.pdf>
- [19] Cong, Wei; Li, Xiao; Qian, Yi; Shi, Lei (2020). Polycentric approach of wastewater governance in textile industrial parks: Case study of local governance innovation in China. Journal of Environmental Management, doi:10.1016/j.jenvman.2020.111730
- [20] Ngân hàng thế giới (WorldBank). Việt Nam: hướng tới một hệ thống nước có tính thích ứng, sạch và an toàn. 2019.
- [21] P. M. Linh, N. Đ. Tùng, Kinh nghiệm tái sử dụng nước thải trên thế giới và áp dụng đối với Việt Nam. 2021, <https://scem.gov.vn/vi/tin-tuc-trung-tam/van-de-moi-truong/kinh-nghiem-tai-su-dung-nuoc-thai-tren-the-gioi-va-ap-dung-doi-voi-viet-nam-52.html> (truy cập ngày 16/3/2022).